

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3  
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ NHÂN ĐẠO

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGHỀ: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

MÃ NGHỀ: 5210402

TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐCTr-NĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025  
của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Nhân Đạo)

TP. Hồ Chí Minh, Năm 2025



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

|                              |                                           |
|------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Ngành, nghề:</b>          | Thiết kế đồ họa                           |
| <b>Mã ngành, nghề:</b>       | 5210402                                   |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>     | Trung cấp                                 |
| <b>Đối tượng tuyển sinh:</b> | Tốt nghiệp THCS trở lên hoặc tương đương. |
| <b>Thời gian đào tạo:</b>    | 2 năm                                     |

### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành nghề đào tạo

Thiết kế đồ họa là nghệ thuật sử dụng các yếu tố thiết kế (typography & hình ảnh) để truyền tải thông điệp hoặc tạo ra một sự ảnh hưởng. Đây là một sản phẩm nghệ thuật. Đồ họa là một lĩnh vực truyền thông trong đó thông điệp được tiếp nhận qua con đường thị giác. Thiết kế đồ họa là tạo ra các giải pháp bằng hình ảnh cho các vấn đề truyền thông.

Thiết kế đồ họa là cụm từ để chỉ một chuyên ngành thuộc về mỹ thuật. Trong đó danh từ "đồ họa" để chỉ những bản vẽ được hiển thị trên một mặt phẳng (đa chất liệu), và động từ "thiết kế" bao hàm ý nghĩa kiến thiết, sáng tạo. Từ đó có thể hiểu, "thiết kế đồ họa" là kiến tạo một hình ảnh, một tác phẩm lên một bề mặt chất liệu nào đó, mang ý nghĩa nghệ thuật nhằm mục đích trang trí, làm đẹp, phục vụ nhu cầu con người.

Với sự phát triển nhanh như vũ bão của ngành quảng cáo, truyền thông và giải trí kỹ thuật số hiện nay đã làm cho khái niệm Thiết kế đồ họa, vốn cũng khá mới mẻ ở Việt Nam, đã trở nên chật chội và lẫn lộn trong nhiều trường hợp. Thiết kế đồ họa là việc sử dụng các phần mềm xử lý ảnh, vẽ vector, dàn trang, dựa trên nền tảng mỹ thuật của người làm thiết kế và nhu cầu cụ thể của khách hàng, để tạo ra các files kỹ thuật số, dùng để in trên các bề mặt phẳng như sách, báo, tạp chí, các chất liệu ngoài trời (biển quảng cáo, trên xe buýt, sân vận động, hay in trên các sản phẩm gia dụng như bàn, ghế, nhãn hàng, bao bì sản phẩm, hay thời trang như áo thun, túi xách...).

Cơ hội việc làm đối với ngành Thiết Kế Đồ Họa luôn rộng mở. Chúng ta dễ dàng bắt gặp các sản phẩm của Đồ Họa như: các ấn phẩm quảng cáo ngoài đường phố (bandroll, standee, pano, poster, tờ rơi...); từ các cửa hàng, công ty, siêu thị, cho đến những hàng quán di động, đội tiếp thị sản phẩm; từ các quảng cáo thương hiệu, các giao diện truy cập trên internet, TVC quảng cáo truyền hình, bao bì sản phẩm công nghiệp, cho đến các hoạt động sự kiện...cùng vô vàn những sản phẩm đặc biệt khác.

Trong quá trình đào tạo, học sinh sẽ được tiếp cận những thể loại Đồ Họa từ đơn giản đến phức tạp, từ đơn lẻ đến hệ thống. Thông qua hệ thống Nhận Diện Thương Hiệu, Bao bì, Brochure, Event, Poster,...cùng các sinh hoạt chuyên đề, học sinh được xây dựng khả năng tư duy, phát huy ý tưởng sáng tạo gắn liền với thực tiễn sản xuất, đồng thời nhanh chóng làm quen được với cộng nghệ phục vụ cho chuyên ngành.

Tiếp theo học sinh sẽ cần học cách thức tạo ra các yếu tố thiết kế, tác phẩm thiết kế, cách sử dụng các phần mềm chuyên dụng Illustrator, Photoshop, InDesign... Quan trọng nhất là vận dụng tất cả các kiến thức đó để tạo ra sản phẩm đẹp mắt, đúng ý tưởng, đúng mục đích, phục vụ cho bản thân và cho khách hàng.

Bạn được học thể nào là một website, quảng cáo, phim hoạt hình tốt, cách xây dựng web tương tác, viết kịch bản phim, vẽ storyboard, quay phim, dựng phim và làm kỹ xảo, xử lý âm thanh, dựng mô hình 3D và làm chuyển động...

Học sinh sẽ được tiếp xúc với các phần mềm Javascript, Adobe Animate Actionsript, Adobe Premiere, Adobe After Effects, Adobe Audition, 3DsMax, ... Thế giới Multimedia Design rộng lớn và luôn thay đổi, do vậy học sinh cần học hỏi rất nhiều và cập nhật thường xuyên.

## **2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Ngành, nghề Thiết kế đồ họa trình độ trung cấp là nghề kết hợp giữa ý tưởng sáng tạo và khả năng cảm nhận thẩm mỹ, thông qua các công cụ đồ họa để tạo ra các sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo, mỹ thuật kết hợp với đa phương tiện để phục vụ nhu cầu quảng bá, truyền thông trong sản xuất, kinh doanh, văn hóa và đào tạo phục vụ nâng cao đời sống tinh thần của người dân, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Thiết kế đồ họa là loại hình nghệ thuật ứng dụng, kết hợp hình ảnh chữ viết và ý tưởng một cách sáng tạo để truyền đạt thông tin hiệu quả và thú vị qua các hình thức ấn phẩm in ấn và trực tuyến.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.2.1. Kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin, mạng máy tính và Internet;
- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;
- Trình bày và sử dụng được kiến thức về một số hệ thống sản xuất hiện đại và hệ thống sản xuất các sản phẩm đồ họa, các kiến thức về quy trình sản xuất một sản phẩm đồ họa;
- Trình bày được kiến thức về tạo hình mỹ thuật, kiến thức về đường, hình, khối và một số vấn đề mỹ thuật liên quan; các kiến thức cơ bản về đồ họa, đồ họa công nghiệp;
- Trình bày được kiến thức chung về ảnh số, các hệ màu trên máy tính, các kỹ thuật biến đổi ảnh và các thao tác với ảnh số, quy trình phục chế ảnh, xử lý hậu kỳ;
- Trình bày được các kiến thức: bộ nhận diện thương hiệu và các công cụ tạo lập các chế bản ngắn, đơn giản, tổ chức và sắp xếp chế bản của một ấn phẩm;
- Xác định được các kiến thức cơ sở về đồ họa và đồ họa trên vi tính;
- Xác định rõ các kiến thức cơ sở về mỹ thuật, thẩm mỹ;
- Xác định được kiến thức cơ bản liên quan đến dịch vụ web và thiết kế giao diện WebSite, nhân vật game;
- Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D; Trình bày được các kiến thức liên quan đến tạo hình 2D;

- Xác định được các kiến thức về ánh sáng chụp ảnh, cấu tạo máy ảnh, sử dụng máy ảnh cơ học và máy ảnh số;
- Xác định được các kiến thức cơ bản và nguyên lý hoạt động cũng như cách sử dụng một số thiết bị ngoại vi số;
- Xác định được cách nâng cao về xử lý ảnh, tập trung vào các kỹ năng biên tập ảnh nhằm đáp ứng các yêu cầu của các bài toán thực tế;
- Xác định được cách dựng sản phẩm đa phương tiện, tích hợp các dữ liệu thu thập, theo kịch bản; kỹ năng thu thập dữ liệu thực tế phục vụ cho việc dựng phim, biên tập âm thanh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### **2.2.2. Kỹ năng**

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Thực hiện được việc kết nối, điều khiển máy tính, các thiết bị ngoại vi và mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng qui trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Cài đặt được các chương trình điều khiển các thiết bị ngoại vi số và thao tác, vận hành và bảo quản các thiết bị ngoại vi số;
- Cài đặt và sử dụng được các phần mềm dùng trong thiết kế đồ họa như: phần mềm thiết kế 2D, phần mềm dựng phim, game, phần mềm xử lý ảnh và đồ họa, phần mềm xử lý âm thanh và Video,...;
- Thực hiện được việc khai thác Internet, tra cứu tài liệu tiếng Việt hoặc tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu công việc;
- Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;
- Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lý các ảnh tĩnh, ảnh động; Thiết kế đối tượng đồ họa game, hoạt hình;
- Thiết kế được giao diện Website và sử dụng được các kiến thức về đồ họa để thiết kế Banner Marketing trên internet, quảng cáo trên mạng xã hội;
- Thực hiện được việc tích hợp dữ liệu đa phương tiện; Thu thập được dữ liệu ảnh, hình động, video, âm thanh;
- Tạo lập và sử dụng được đồ họa, các lớp đồ họa; Tạo lập được một số ấn phẩm chuyên dụng sử dụng nội bộ và tạo lập được các ấn phẩm nhằm mục đích quảng cáo;
- Xử lý được ảnh theo yêu cầu thực tế, phục chế ảnh cũ,...;
- Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;

- Thực hiện được các dịch vụ liên quan đến thiết kế đồ họa, mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; đọc và hiểu được tài liệu tiếng anh chuyên ngành.

### **2.2.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; Thực hiện đúng luật sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm; cần cù, chịu khó và sáng tạo; Thực hiện tốt kỷ luật lao động và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;
- Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc; Làm việc được với các môi trường làm việc khác nhau;
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần của nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của cá nhân.

### **3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp học sinh có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- + Dịch vụ tư vấn khách hàng;
- + Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản;
- + In ấn, ấn phẩm văn hóa, tạp chí, báo.
- + Thiết kế sản xuất decal, in nhiệt, in thời trang.
- + Biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh;
- + Thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện;
- + Thiết kế đồ họa Web
- + Thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 2D.

### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1350 giờ, 57 tín chỉ
- Số lượng mô đun, mô đun: 20
- Khối lượng học tập các mô đun chung: 255 giờ, 12 tín chỉ
- Khối lượng học tập các mô đun, mô đun chuyên môn: 1095 giờ, 45 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 439 giờ; thực hành, thực tập: 838 giờ, 28 tín chỉ;  
Thi/kiểm tra: 73 giờ.

### 5. Tổng hợp các năng lực của ngành nghề

| TT         | Mã năng lực                                   | Tên năng lực                                                                                                 |
|------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>       |                                                                                                              |
| 1          | CNE-LNCB1                                     | Sử dụng máy tính thành thạo                                                                                  |
| 2          | CNE-LNCB2                                     | Làm việc hiệu quả trong nhóm                                                                                 |
| 3          | CNE-LNCB3                                     | Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày                                                                 |
| 4          | CNE-LNCB4                                     | Tham gia vào các hoạt động làm việc bền vững về môi trường                                                   |
| 5          | CNE-LNCB5                                     | Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành thông thường                                                   |
| 6          | CNE-LNCB6                                     | Duy trì kiến thức ngành nghề                                                                                 |
| 7          | CNE-LNCB7                                     | Áp dụng kiến thức về nền tảng máy tính, công nghệ thông tin và truyền thông                                  |
| 8          | CNE-LNCB8                                     | Thực hiện sơ cứu cơ bản                                                                                      |
| <b>II</b>  | <b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b> |                                                                                                              |
| 1          | CNE-NLCL1                                     | Tiếp nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng                                                                    |
| 2          | CNE-NLCL2                                     | Kết thúc ca làm việc                                                                                         |
| 3          | CNE-NLCL3                                     | Xử lý các giao dịch tài chính cơ bản                                                                         |
| 4          | CNE-NLCL4                                     | Phát triển mối quan hệ khách hàng                                                                            |
| 5          | CNE-NLCL5                                     | Chuẩn bị và trình bày báo cáo                                                                                |
| 6          | CNE-NLCL6                                     | Áp dụng các nguyên tắc về bản quyền phần mềm, sở hữu trí tuệ có trách nhiệm                                  |
| 7          | CNE-NLCL7                                     | Thuyết phục, đàm phán, thương lượng, tư duy và trình bày vấn đề một cách rõ ràng, bằng cả văn bản và lời nói |
| 8          | CNE-NLCL8                                     | Tư vấn, hướng dẫn, lắp ráp cấu hình một máy tính PC phù hợp                                                  |
| 9          | CNE-NLCL9                                     | Tư vấn, hướng dẫn, chọn một bộ Laptop phù hợp.                                                               |
| 10         | CNE-NLCL10                                    | Chẩn đoán, khắc phục hư hỏng máy tính.                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Năng lực nâng cao</b>                      |                                                                                                              |
| 1          | CNE-NLNC1                                     | Tìm hiểu yêu cầu của khách hàng.                                                                             |
| 2          | CNE-NLNC2                                     | Nhận tài liệu, tư liệu từ phía khách hàng.                                                                   |
| 3          | CNE-NLNC3                                     | Phân tích yêu cầu của khách hàng.                                                                            |
| 4          | CNE-NLNC4                                     | Tư vấn cho khách hàng về sản phẩm thiết kế.                                                                  |
| 5          | CNE-NLNC5                                     | Trao đổi ý tưởng thiết kế với đồng nghiệp.                                                                   |
| 6          | CNE-NLNC6                                     | Phân tích ý tưởng thiết kế.                                                                                  |
| 7          | CNE-NLNC7                                     | Trao đổi ý tưởng thiết kế với khách hàng.                                                                    |
| 8          | CNE-NLNC8                                     | Thiết kế hệ thống nhận diện doanh nghiệp.                                                                    |
| 9          | CNE-NLNC9                                     | Thiết kế các sản phẩm quảng cáo, ấn phẩm văn hóa.                                                            |
| 10         | CNE-NLNC10                                    | Biên tập videoclip quảng cáo 2D, 3D.                                                                         |

## 6. Nội dung chương trình

| Mã MH,<br>MĐ | Tên mô đun, môn học                       | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                        |                     |
|--------------|-------------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
|              |                                           |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                        |                     |
|              |                                           |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực tập/<br>thí nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| <b>I</b>     | <b>Các mô đun chung</b>                   | <b>11</b>        | <b>255</b>              | <b>94</b>    | <b>148</b>                                             | <b>13</b>           |
| MH01         | Tiếng Anh                                 | 3                | 90                      | 30           | 56                                                     | 4                   |
| MH02         | Tin học                                   | 2                | 45                      | 15           | 29                                                     | 1                   |
| MH03         | Giáo dục chính trị                        | 2                | 30                      | 15           | 13                                                     | 2                   |
| MH04         | Pháp luật                                 | 1                | 15                      | 9            | 5                                                      | 1                   |
| MH05         | Giáo dục quốc phòng và<br>an ninh         | 2                | 45                      | 21           | 21                                                     | 3                   |
| MH06         | Giáo dục thể chất                         | 1                | 30                      | 4            | 24                                                     | 2                   |
| <b>II</b>    | <b>Các mô đun, môn học<br/>chuyên môn</b> | <b>45</b>        | <b>1095</b>             | <b>345</b>   | <b>690</b>                                             | <b>60</b>           |
| <b>II.1</b>  | <b>Mô đun, môn học cơ sở</b>              | <b>12</b>        | <b>255</b>              | <b>105</b>   | <b>130</b>                                             | <b>20</b>           |
| MH07         | An toàn vệ sinh công<br>nghiệp            | 1,5              | 30                      | 15           | 12                                                     | 3                   |
| MH08         | Xanh hóa và môi trường                    | 1,5              | 30                      | 15           | 12                                                     | 3                   |
| MH09         | Thiết bị ngoại vi đồ họa                  | 2,0              | 45                      | 15           | 26                                                     | 4                   |
| MH10         | Mỹ thuật cơ bản                           | 4,0              | 90                      | 30           | 55                                                     | 5                   |
| MĐ11         | Chế bản điện tử bằng<br>CorelDraw         | 3,0              | 60                      | 30           | 25                                                     | 5                   |
| <b>II.2</b>  | <b>Mô đun, môn học<br/>chuyên môn</b>     | <b>33,0</b>      | <b>840</b>              | <b>240</b>   | <b>560</b>                                             | <b>40</b>           |
| MĐ12         | Xử lý ảnh bằng Photoshop                  | 3,5              | 75                      | 30           | 40                                                     | 5                   |
| MĐ13         | Chế bản điện tử bằng<br>Illustrator       | 3,5              | 75                      | 30           | 40                                                     | 5                   |
| MĐ14         | Đồ họa web                                | 3,5              | 75                      | 30           | 40                                                     | 5                   |
| MĐ15         | Chế bản điện tử bằng<br>Indesign          | 3,0              | 60                      | 30           | 25                                                     | 5                   |
| MĐ16         | Thiết kế sản phẩm quảng<br>cáo            | 4,0              | 90                      | 30           | 55                                                     | 5                   |
| MĐ17         | Đồ họa 3D quảng cáo                       | 3,5              | 75                      | 30           | 40                                                     | 5                   |
| MĐ18         | Dựng phim                                 | 3,0              | 60                      | 30           | 25                                                     | 5                   |
| MĐ19         | Kỹ xảo phim                               | 3,0              | 60                      | 30           | 25                                                     | 5                   |

| Mã MH,<br>MĐ | Tên mô đun, môn học | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập (giờ) |              |                                                        |                     |
|--------------|---------------------|------------------|-------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
|              |                     |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                        |                     |
|              |                     |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực tập/<br>thí nghiệm/<br>thảo luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| MD20         | Thực tập tốt nghiệp | 6,0              | 270                     |              | 270                                                    |                     |
| Tổng cộng    |                     | 56               | 1350                    | 439          | 838                                                    | 73                  |

## 7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc áp dụng thực hiện theo chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và đã được trường tổ chức điều chỉnh, cập nhật tài liệu tham khảo phù hợp.

7.2. Thực hiện chương trình đối với đào tạo theo niên chế

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo và có đủ điều kiện (theo quy chế kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp) mới được dự thi tốt nghiệp.

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đối với đào tạo tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ

Học sinh phải hoàn tất toàn bộ các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo mới được xét công nhận tốt nghiệp.

7.4. Giảng dạy trực tuyến các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo

Có thể tổ chức giảng dạy trực tuyến đối với các môn học chung và các môn học đã xây dựng đủ học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

7.5. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất;

- Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Hội diễn văn nghệ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm, các giải thể dục thể thao cấp trường;

- Nghe nói chuyện thời sự, chuyên đề.

7.6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Giáo viên thực hiện phương pháp, đánh giá học sinh khi kết thúc môn học, mô đun theo Quy định cách thức thi kết môn học/mô đun đã được Hiệu trưởng quy định trong chương trình khung của nghề;

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo Ban Giám hiệu đã phê duyệt theo từng năm học;

- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, giáo viên bộ môn phải hoàn chỉnh đầy đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;

- Việc tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun (đề thi, chấm thi, tổng kết điểm, công bố điểm,...) theo đúng đúng quy chế thi, kiểm tra do Bộ LĐ-TB&XH, Trường quy định.

#### 7.7. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Căn cứ quyết định công nhận học sinh trúng tuyển đầu khóa học có xác định phương thức đào tạo, cuối khóa học học sinh được Trường tổ chức 01 trong 02 phương thức sau:

##### 7.7.1. Đối với đào tạo theo niên chế

- Tổ chức thi tốt nghiệp.
- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học; quy định nội quy thi, kiểm tra và công nhận trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

##### 7.7.2. Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả thi kết thúc môn học/mô đun của người học; quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ (học tập, nội quy thi, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp) đối với người học trình độ trung cấp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường.

#### 7.8. Các chú ý khác

- Khi xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khoá và tiến độ thực hiện giảng dạy từng năm cần chú ý: Số giờ phân bổ trong bảng danh mục các môn học/ mô đun là số giờ đã quy chuẩn (01 giờ lý thuyết là 45 phút, 01 giờ thực hành là 60 phút, 01 giờ tích hợp là 60 phút); nên khi triển khai phải quy đổi lại số giờ thực hành cho đủ và khớp với giờ đồng hồ, khớp với số tuần phân bổ:

01 tuần học tập = 30 giờ chuẩn = 30 giờ lý thuyết = 40 giờ thực hành.

- Số giờ dành cho kiểm tra kết thúc môn học/ mô đun được tính vào thời gian của từng môn học mô đun nên khi xây dựng kế hoạch toàn khoá và tiến độ năm học không cần cộng thêm thời gian dành cho "kiểm tra, thi".



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Minh Tiếng